TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 104/2024/HS-ST Ngày 14-11-2024	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Sinh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Vũ Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 95/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng T (tên gọi khác: không), sinh năm 1985; nơi sinh, nơi cư trú: tổ dân phố NH, thị trấn CT, huyện TrN, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân Ph, sinh năm 1956 và bà Lưu Thị Th, sinh năm 1959; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/6/2024 cho đến nay. “có mặt”

- Bị hại: Anh Hoàng Mạnh Đ, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 5, xã HH, huyện HH, tỉnh Nam Định. “có mặt”.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm 5, xã HH, huyện HH, tỉnh Nam Định. “có mặt”.

- Người làm chứng*:* Chị Nguyễn Thị Ph. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết nhau từ trước nên khoảng cuối tháng 3/2023, Nguyễn Trọng T sử dụng mạng xã hội Zalo kết bạn với anh Hoàng Mạnh Đ, sinh năm 1987, trú tại

xóm 5, xã Hải Hà (nay là xã Hải Hưng), huyện Hải Hậu để nói chuyện với nhau. Anh Đ nói T biết việc ở nhà làm ăn khó khăn, có nhu cầu đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc. Mặc dù không có khả năng nhưng do cần tiền tiêu sài cá nhân nên T đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Đ dưới hình thức môi giới việc làm xuất khẩu lao động. T nói với anh Đ "Anh có người quen có thể giúp được, nếu cần thì anh hỏi cho", anh Đ và vợ là chị Vũ Thị L tin tưởng nên đồng ý nhờ T làm giúp anh Đ các thủ tục để đi lao động tại nước ngoài. Khoảng 2 - 3 ngày sau, T gọi điện cho anh Đ nói dối "Anh có người quen lo được để đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, cụ thể đi làm thợ cơ khí, lương tháng 60 - 70 triệu, nếu đồng ý thì chuyển trước 6.000.000 đồng để T đi đặt vấn đề lo công việc, khi nào xong thủ tục, hồ sơ thì sẽ có lịch đi xuất khẩu lao động sau". Anh Đ đồng ý nhưng đang đi làm ăn xa nên bảo T đến nhà gặp chị L (vợ anh Đ) lấy số tiền 6.000.000 đồng. T nhận tiền nhưng không sử dụng vào việc nhờ người làm thủ tục cho anh Đ đi lao động tại Hàn Quốc mà tiêu sài cá nhân hết. Từ ngày 12/4/2023 đến ngày 03/02/2024, T đưa ra các thông tin gian dối như: Chi phí lo thủ tục, hồ sơ; xăng xe đi lại, lo quan hệ để nhờ làm hồ sơ... và yêu cầu anh Đ chuyển tiền. Do tin tưởng, vợ chồng anh Đ và chị L đã chuyển cho T tổng cộng 35 lần với tổng số tiền 397.100.000 đồng vào số tài khoản 0141000743709, tên chủ tài khoản "Nguyễn Trọng T", mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VietcomBank). Sau khi nhận được tiền của anh Đ, T không sử dụng vào việc hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để đi lao động tại nước ngoài như đã hứa hẹn với anh Đ mà rút ra tiêu sài cá nhân hết. Tổng số tiền Nguyễn Trọng T chiếm đoạt của anh Đ là 403.100.000 đồng nên ngày 12/6/2024 anh Hoàng Mạnh Đ làm đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hậu. Ngày 13/6/2024, Nguyễn Trọng T đến Công an huyện Hải Hậu xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 98/CT-VKS-HH ngày 22/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đã truy tố bị cáo Nguyễn Trọng T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thành khẩn khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung vụ án đã nêu trên.

Anh Hoàng Mạnh Đ, chị Vũ Thị L có mặt tại phiên tòa ý kiến từ tháng 3/2023 đến ngày 03/02/2024, Nguyễn Trọng T có hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhận làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại nước Hàn Quốc để chiếm đoạt tiền của anh Hoàng Mạnh Đ 36 lần với tổng số tiền là 403.100.000 đồng, gia đình bị cáo đã trả được cho bị hại 10.000.000đ. Nên anh Đ, chị L đề nghị Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Trọng T phải trả cho anh, chị số tiền còn lại là 393.100.000đ và về hình phạt đề nghị Tòa án xét xử nghiêm khắc để răn đe giáo giục bị cáo theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu thực hành quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng như bản cáo trạng số 98/CT-VKS-HH ngày 22/10/2024 và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài

sản"; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Trọng T từ 11 năm 6 tháng tù đến 12 năm tù.

Về hình phạt bổ sung là hình phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Đ số tiền 393.100.000đ.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng, bị cáo ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hải Hậu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác được lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Do không có tiền tiêu sài cá nhân nên khoảng từ tháng 3/2023 đến ngày 03/02/2024, Nguyễn Trọng T đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhận làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại nước Hàn Quốc để chiếm đoạt tiền của anh Hoàng Mạnh Đ 36 lần với tổng số tiền là 403.100.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật. Nhưng do không có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo cố ý dùng thủ đoạn gian dối thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng trật tự trị an xã hội và gây bất bình trong quần chúng nhân dân.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; trong vụ án bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng

trách nhiệm hình sự là "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi tội phạm bị phát hiện đã ra đầu thú, bị cáo có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ giải phóng, gia đình bị cáo có trả cho bị hại số tiền 10.000.000đ tuy nhiên số tiền đó là không đáng kể so với số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại, Do đó căn cứ các quy định của pháp luật bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Do đó cần cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có tài sản riêng, không có công việc, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Trọng T chiếm đoạt của anh Hoàng Mạnh Đ tổng số tiền 403.100.000 đồng (bốn trăm linh ba triệu một trăm nghìn đồng). Quá trình điều tra gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh Đ số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), đến nay anh Đ, chị L yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 393.100.000đ (ba trăm chín mươi ba triệu một trăm nghìn đồng). Do đó, buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Hoàng Mạnh Đ, chị số tiền 393.100.000đ (ba trăm chín mươi ba triệu một trăm nghìn đồng).

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh và hình phạt:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; xử phạt bị cáo 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/6/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Trọng T có trách nhiệm bồi thường cho anh Hoàng Mạnh Đ, chị Vũ Thị L số tiền 393.100.000đ (ba trăm chín mươi ba triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc bị cáo Nguyễn Trọng T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 19.655.000đ (mười chín triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên Toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- Sở tư pháp tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Công an huyện Hải Hậu;
- UBND TT Cát Thành;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng